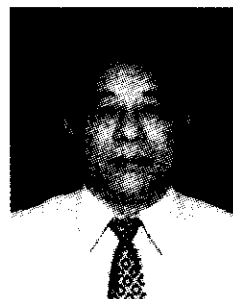


BÌNH PHƯỚC PHẤN ĐẤU PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHANH VÀ BỀN VỮNG



TRƯƠNG TẤN THIỆU
Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước

Bình Phước là một trong 8 tỉnh thuộc Vùng Kinh tế trọng điểm Phía Nam, được tái lập ngày 01/01/1997. Có đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia dài 240 km, là cầu nối giữa thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam bộ với Tây Nguyên. Trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Bình Phước đã có những bước phát triển đáng kể, nền kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện. Trong quá trình đi lên đã phát huy được những lợi thế so sánh của Tỉnh và đóng góp ngày càng lớn và quan trọng vào mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, tạo tiền đề để Bình Phước phát triển nhanh và bền vững trong tương lai.

Tiềm năng và lợi thế phát triển

Bình Phước có điều kiện tự nhiên, khí hậu, đặc biệt là đất có chất lượng cao chiếm tới 61% diện tích rất phù hợp với các loại cây công nghiệp có giá trị cao như cao su, điều, cà phê, tiêu và một số cây trồng hàng năm như bắp, mì, đậu đỗ. Đây là yếu tố cơ bản nhằm tạo ra nguồn nguyên liệu phong phú để phát triển công nghiệp chế biến, xuất khẩu. Có nguồn tài nguyên khoáng sản, trong đó đáng lưu ý là mỏ đá vôi Tà Thiết cung cấp nguyên liệu cho sản xuất xi măng, cao lanh, đá xây dựng, sét, gạch ngói... đảm bảo cho nhu cầu phát triển trong Tỉnh. Tỉnh cũng có tiềm năng lớn về rừng và đất rừng có thể phát triển và khai thác có hiệu quả tiềm năng này.

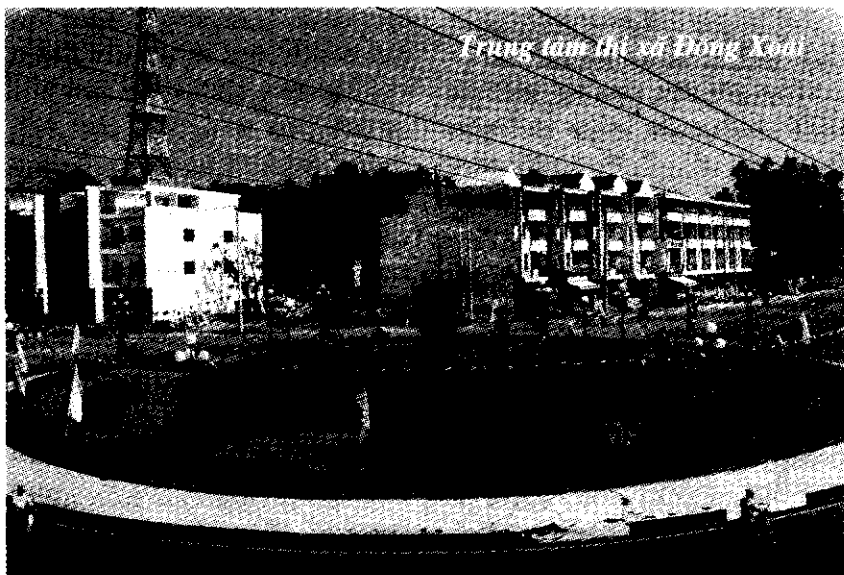
Vị trí địa lý, điều kiện kết cấu hạ tầng của Bình Phước tuy mới bước đầu hình thành (viễn thông, điện, giao thông...) nhưng tương đối thuận lợi cho phát triển. Về điện có đường điện 500 KV đi qua, có thủy điện thác Mơ công suất 150 MW và thủy

điện Cơn Đơn công suất 72 MW đang bắt đầu xây dựng. Về giao thông, ngoài các tuyến nội tỉnh khá thuận lợi, còn hai đường quốc lộ 13, 14 xuyên suốt và nối liền tỉnh Bình Phước với các tỉnh trong cả nước, nước bạn Campuchia và đặc biệt là mở ra hướng giao lưu kinh tế - xã hội với các vùng Tây Nguyên và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Trong lòng đất của Bình Phước

có nhiều khoáng sản như: cao lanh, Bô xít, Pu zơ lan, đặc biệt là đá vôi với trữ lượng lớn (300 triệu tấn) - nguyên liệu phục vụ cho Nhà máy xi măng với công suất 2 triệu tấn/năm. Hiện tỉnh Bình Phước đã quy hoạch 8 khu công nghiệp với tổng diện tích trên 5.205 ha, một số khu công nghiệp đã có chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và có nhà máy đã và đang đi vào hoạt động ở các khu công nghiệp: Chơn Thành, Minh Hưng, Tân Khai và Tân Thành.

Là một tỉnh nằm trong vùng Trung du miền núi, vùng chuyển tiếp của đồng bằng lên cao nguyên, có nhiều sông suối, gènh thác, hồ đập, cho nên ở đây có quần thể thực vật khá phong phú và có nhiều phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp, tạo điều kiện phát triển du lịch sinh thái. Bên cạnh đó còn có nhiều địa danh lịch sử nổi tiếng, căn cứ Cách mạng qua



Trung tâm thị xã Đông Xoài

2 cuộc kháng chiến. Nhiều danh lam thắng cảnh đẹp như tranh: trảng cỏ Bù Lạch (huyện Bù Đăng), Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Núi Bà Rá - Thác Mơ (huyện Phước Long) và các di tích lịch sử nổi tiếng: Nhà Giao tế - Thủ phủ của Chính phủ Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, Căn cứ Bộ chỉ huy Miền ở Tà Thiết (huyện Lộc Ninh), Sóc Bom Bo rộn vang tiếng chày giã gạo nuôi quân năm nào bên ánh lửa bập bùng (huyện Bù Đăng)...

Người dân Bình Phước cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; lực lượng lao động chiếm trên 50% dân số, phần lớn là lao động trẻ, đây là nguồn nhân lực quan trọng để đáp ứng nhu cầu cho các khu công nghiệp. Đó là những lợi thế so sánh nổi trội của Tỉnh, tiền đề cho Tỉnh phát triển vững chắc kinh tế - xã hội.

Mục tiêu phát triển đến năm 2020

Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển đô thị theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Xây dựng Bình Phước trở thành Tỉnh có kinh tế phát triển toàn diện, xã hội văn minh, môi trường sinh thái được bảo vệ, an ninh, quốc phòng được giữ vững; phấn đấu trở thành tỉnh phát triển mạnh trong khu vực và cả nước.

Mục tiêu cụ thể

Về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 14% - 15%/năm thời kỳ 2006 - 2010, 15,5%/năm thời kỳ 2011 - 2015 và 13,5%/năm thời kỳ 2016 - 2020.

GDP bình quân đầu người đạt 560 - 600 USD vào năm 2010 và 1.628 USD vào năm 2020 (theo giá thực tế).

Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Giai đoạn 2006 - 2010, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành

công nghiệp - xây dựng là 29,3%/năm, giai đoạn 2011 - 2015 là 21,9%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 là 16,3%/năm, tương ứng với cơ cấu kinh tế sau: Năm 2010: ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 42,9%, công nghiệp - xây dựng 28,8% và dịch vụ 28,3% trong GDP; Năm 2020 tương ứng là: 19,5%, 43% và 37,5%.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 410 triệu USD và năm 2020 là 2.700 triệu USD. Thu ngân sách đến năm 2010 đạt 1.500 - 1.600 tỷ đồng và năm 2020 đạt 6.370 tỷ đồng;

Huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội bình quân hàng năm chiếm 20% GDP.

Về xã hội:

Năm 2010, có 100% huyện, thị hoàn thành phổ cập THCS, trong đó có 2 huyện, thị hoàn thành phổ cập THPT; năm 2020 có 100% huyện, thị hoàn thành phổ cập THPT.

Đến năm 2015 chuẩn hoá 100% đội ngũ giáo viên.

Số trường đạt chuẩn quốc gia đạt 42% - 43% vào năm 2010 và đạt 100% vào năm 2020.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 28% vào năm 2010 và đạt 55%-60% vào năm 2020.

Đến năm 2010, 100% số xã có bác sĩ, có 7 bác sĩ và 18 giường bệnh/1 vạn dân; năm 2015 có 10 bác sĩ và 22 giường bệnh/1 vạn dân và đến năm 2020 có 15 bác sĩ và 25 giường bệnh/1 vạn dân.

Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 26,5% năm 2005 xuống còn 20% vào năm 2010, dưới 15% vào năm 2015 và dưới 10% vào năm 2020. Giảm tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh từ 0,18% năm 2005 còn 0,1% vào năm 2010.

Đến năm 2010, 100% số xã được phủ sóng phát thanh, sóng truyền hình.

Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn 5% vào năm 2010 và cơ bản không

còn hộ nghèo (theo chuẩn mới) vào năm 2020.

Định hướng phát triển

Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá. Phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững. Đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên canh để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế so sánh của Tỉnh như: vùng trồng cây công nghiệp dài ngày (cao su, tiêu, điều); vùng cây ăn quả; vùng đồng cỏ phục vụ chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò). Phấn đấu chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành: đến năm 2010 giá trị sản xuất chăn nuôi chiếm 11,96% và năm 2020 chiếm 19,9% tổng giá trị của ngành.

Nhịp độ tăng trưởng bình quân hàng năm giá trị sản xuất của ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản thời kỳ 2006 - 2010 là 8,6%, thời kỳ 2011 - 2015 là 7,6% và thời kỳ 2016 - 2020 là 6%.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Tập trung cao độ mọi khả năng, nguồn lực để phát triển công nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành xây dựng. Nhanh chóng xây dựng và phát triển các khu, cụm công nghiệp; đẩy mạnh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp trên cơ sở phân kỳ đầu tư hợp lý, phù hợp với tiến độ thu hút các dự án đầu tư. Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, trước hết là nhóm ngành chế biến nông sản; đổi mới thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; mở rộng quy mô sản xuất, tạo ra lượng sản phẩm hàng hoá lớn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phát triển

công nghiệp khai thác đá xây dựng, sản xuất xi măng, gạch ngói và sản xuất, phân phối điện, nước. Đa dạng hoá các loại hình sản xuất công nghiệp, thực hiện tốt công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn. Phát triển các ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn, sử dụng có hiệu quả nguồn lao động nhân rỗi theo thời vụ trong nông nghiệp và nông thôn. Liên kết chặt chẽ với thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, chủ động tiếp nhận một số cơ sở công nghiệp các khu đô thị lớn.

Thương mại - dịch vụ

Mở rộng giao thương với các địa phương trong và ngoài Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và với nước ngoài.

Đối với thị trường nước ngoài cần tập trung phát triển các mặt hàng chủ lực nằm trong chiến lược xuất khẩu của tỉnh như: cao su, hạt điều, đồ gỗ tinh chế, ...; mở rộng buôn bán với Campuchia và các nước trong khu vực cùng với việc phát triển kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

Đẩy mạnh phát triển du lịch và dịch vụ nhằm tăng cường sự đóng góp vào sự tăng trưởng chung của tỉnh, đồng thời, qua đó giới thiệu tiềm năng của Tỉnh để thu hút các nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Giá trị sản xuất, kinh doanh ngành thương mại - dịch vụ tăng bình quân hàng năm giai đoạn 2006 - 2010 đạt 16% - 17%/năm, 2011 - 2015 đạt 15,5%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,7%/năm.

Thu, chi ngân sách

Tăng nguồn thu ngân sách của Tỉnh trên cơ sở đẩy mạnh phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn cả về quy mô và hiệu quả. Tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn thu từ quỹ đất, quỹ nhà ở. Phần đầu đến năm 2010, tổng mức huy động vào ngân sách nhà nước trên địa bàn Tỉnh đạt 17,9% GDP, năm 2015 đạt 22% GDP và năm 2020 đạt 23% GDP.

Trong những năm trước mắt, chi ngân sách nhà nước tập trung hợp lý cho những vấn đề cấp thiết như y tế, giáo dục, giao thông, một số lĩnh vực xã hội khác, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Các lĩnh vực xã hội

Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia trên các lĩnh vực văn hoá - xã hội. Đặc biệt chăm lo về giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời làm tốt các chính sách xã hội khác.

Coi trọng công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Đặc biệt chú trọng nguồn nhân lực làm khoa học - công nghệ trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi và công nhân kỹ thuật lành nghề. Tăng cường chất lượng và hiệu quả trong giáo dục và đào tạo.

Tăng cường đào tạo và có chính sách ưu đãi để thu hút mạnh đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp, bổ sung đồ dùng, trang thiết bị phục vụ dạy và học. Từ nay đến năm 2010, thực hiện kiên cố hoá các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Xây dựng phương án đào tạo cán bộ cho các ngành, các cấp huyện và xã, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và lực lượng lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh. Đẩy nhanh và nâng cao chất lượng xã hội hoá công tác đào tạo. Phát triển nhiều hình thức đào tạo nghề, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo.

Tăng cường, củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế từ Tỉnh xuống cơ sở, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giải quyết tốt vấn đề chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Củng cố và phát triển hệ thống y tế dự phòng. Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh,

đặc biệt là Bệnh viện Đa khoa Tỉnh. Coi trọng phát triển nguồn dược liệu phục vụ cho việc chữa bệnh, nhất là trong lĩnh vực y học cổ truyền.

Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình; phấn đấu mục tiêu gia đình chỉ có 1 - 2 con.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá thông tin, thể dục - thể thao, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xã hội hoá văn hoá, thể dục - thể thao trong nhân dân, đặc biệt chú ý vùng nông thôn. Xây dựng và nâng cấp các cơ sở văn hoá, thể thao với quy mô hợp lý ở làng, bản. Bảo tồn các di tích cách mạng, di tích lịch sử, văn hoá. Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư phát triển các hoạt động văn hoá thông tin. Xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới thư viện từ tỉnh xuống huyện. Phát triển nhanh và hiệu quả mạng lưới phát thanh, truyền hình, đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương. Tạo bước phát triển mới cả về quy mô và chất lượng phong trào thể dục - thể thao quần chúng.

Giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện đồng bộ và hiệu quả chương trình giải quyết việc làm, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép chương trình xoá đói, giảm nghèo với các chương trình xã hội khác trên địa bàn Tỉnh.

Quốc phòng, an ninh

Gắn kết hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Nâng cao sức mạnh tổng hợp của thế trận chiến tranh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc cùng với việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao. Củng cố các đồn biên phòng, bảo đảm an ninh biên giới gắn liền với giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị 2 nước Việt Nam và

Campuchia, xây dựng vùng biên giới vững mạnh toàn diện, góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia.

Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Từng bước nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh, trong đó ưu tiên các trục đường chính và mạng lưới giao thông tại các khu trung tâm hành chính của các huyện, thị, các khu công nghiệp, các cửa khẩu. Đồng thời quan tâm đầu tư phát triển giao thông nông thôn.

Mở rộng và hiện đại hoá mạng lưới bưu chính, viễn thông. Nâng tỷ lệ số hộ được dùng điện năm 2010 lên 90% và năm 2020 là 100%.

Giải pháp thực hiện

Thứ nhất, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh

Đẩy mạnh tiến trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức và phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan các cấp, tăng cường kỷ luật hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí đi đôi với bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; qua đó nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Thứ hai, huy động vốn đầu tư

Đối với nguồn vốn ngân sách: ngoài các nguồn vốn đầu tư cho các dự án của Trung ương trên địa bàn, Tỉnh sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, trong đó có các công trình thuỷ lợi và cấp nước sinh hoạt, mở rộng mạng lưới giao thông nông thôn, lưới điện.

Trong khuôn khổ của pháp luật về đất đai, có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Đối với các nguồn vốn bên ngoài: cùng với việc làm tốt công tác thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, cần tranh thủ các nguồn vốn ODA để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên cho hạ tầng nông thôn, chú ý đầu tư cho xã nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

Có cơ chế, chính sách để động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế, nhất là phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn.

Đẩy mạnh xã hội hoá các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hoá - thông tin, thể dục - thể thao, nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

Dự kiến huy động vốn đầu tư trong giai đoạn 2006 - 2010 khoảng 14.134 tỷ đồng, giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 29.260 tỷ đồng và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 61.675 tỷ đồng (giá năm 2005).

Thứ ba, giải pháp về quy hoạch

Đưa công tác quy hoạch vào nền nếp, trở thành công cụ đắc lực của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Thực hiện công tác đầu tư theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác.

Thứ tư, đổi mới, sắp xếp và phát triển các thành phần kinh tế

Thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp; tháo gỡ các khó khăn của doanh nghiệp; sắp xếp tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với các nông trường, lâm trường quốc doanh. Nghiên cứu, ban hành một số chính sách ưu đãi phát triển một số ngành mũi nhọn; hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp, tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn nhà đầu tư. Khuyến khích và hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ bằng việc bảo đảm hành lang pháp lý và sự công bằng cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh phát triển.

Thứ năm, chính sách khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào các ngành sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và dịch vụ; nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, chuyển giao công nghệ, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật. Chú trọng việc bảo vệ môi trường và giữ cân bằng sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Thứ sáu, chính sách phát triển nguồn nhân lực

Coi trọng công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí; có kế hoạch đào tạo lực lượng lao động phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh; tạo động lực khuyến khích người lao động phát huy sức lực, trí tuệ nhằm nâng cao hiệu quả lao động. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước. Có chính sách thu hút nguồn lao động chất lượng cao từ các địa phương khác đến làm việc tại Tỉnh.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác với các tỉnh và mở rộng thị trường

Tăng cường hợp tác kinh tế với các địa phương trong cả nước, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, hình thành cơ chế riêng để kêu gọi các nhà đầu tư đến với Bình Phước; xây dựng chương trình vận động nguồn vốn ODA, FDI ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng đô thị và nông thôn, y tế, giáo dục, xoá đói, giảm nghèo.

Quan tâm mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước. Nâng cao chất lượng, đổi mới mẫu mã sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và phát triển thị trường một cách vững chắc; quan tâm hơn nữa việc tạo dựng và quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm hàng hoá có tiềm năng phát triển. □